

Tập 140

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm lẻ ba:

(Sao) Thuyết pháp giả, Đại Bản vân: “Vi lan hồi lưu, chuyển tương quán chú, bất trì, bất tật, an tường từ thệ, ba dương vô lượng tự nhiên diệu thanh, hoặc văn Phật thanh, hoặc văn Pháp thanh, hoặc văn Tăng thanh, tịch tĩnh thanh, Không Vô Ngã thanh, đại từ bi thanh, Ba La Mật thanh, Thập Lực, Vô Úy, Bất Cộng pháp thanh”.

(鈔) 說法者，大本云：微瀾回流，轉相灌注，不遲不疾，安詳徐逝，波揚無量自然妙聲，或聞佛聲，或聞法聲，或聞僧聲，寂靜聲，空無我聲，大慈悲聲，波羅密聲，十力無畏不共法聲。

(Sao: “Thuyết pháp”, Đại Bản nói: “Sóng nhẹ vờn quanh, lần lượt tưới rót lẫn nhau, chẳng chậm, chẳng nhanh, an tường thông thả lan tỏa. Tiếng sóng vỗ phát ra vô lượng âm thanh màu nhiệm tự nhiên, hoặc nghe tiếng Phật, hoặc nghe tiếng Pháp, hoặc nghe tiếng Tăng, tiếng tịch tĩnh, tiếng Không Vô Ngã, tiếng đại từ bi, tiếng Ba La Mật, tiếng Thập Lực, Vô Úy, Bất Cộng Pháp”).

Đoạn này nói rõ nước trong thế giới Cực Lạc có thể thuyết pháp. Trước hết, Liên Trì đại sư dẫn kinh văn trong kinh Vô Lượng Thọ để giải thích, dùng kinh này để giải thích kinh khác là một phương pháp rất tuyệt diệu. Mấy câu đầu tiên rất dễ hiểu, chúng tôi muốn đề cập những điều được nói phía sau như “*Tam Bảo thanh*”. Phật, Pháp, Tăng là “*Tam Bảo thanh*”. Trong hết thảy các kinh, Tịnh Độ Tam Kinh được đặc biệt lưu thông rộng nhất, thù thắng nhất, vừa mở đầu liền nói tới niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Không chỉ âm thanh của nước là âm thanh niệm Tam Bảo, mà cho đến [âm thanh của] sáu loài chim thuyết pháp cũng đều xếp Tam Bảo vào hàng đầu. Vì vậy, có thể biết tầm quan trọng của tiếng Tam Bảo.

Tam Bảo là gì? Nhất định phải hiểu rõ. Ở đây nói đến niệm Phật, chúng ta bèn nghĩ đến tượng Phật, [nghe nói] niệm Pháp bèn nghĩ đến kinh điển, [nghe nói] niệm Tăng bèn nghĩ đến người xuất gia. Cách nghĩ ấy đã sai mất rồi, chẳng phải là nói theo kiểu đó! Nếu có ý nghĩ như vậy,

hoàn toàn là chấp tướng. Mỗi vị Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều nhập Không, Vô Tướng, Vô Nguyện tam-muội, lẽ đâu còn chấp tướng? Tam Bảo ở đây có cùng một ý nghĩa với Tam Bảo trong truyền thọ Tam Quy Y, tức là nói đến Tự Tánh Tam Bảo. Như vậy thì mới có thể khởi tác dụng. Tự Tánh Tam Bảo đã hiển lộ, thừa cùng quý vị, bèn gọi là Bồ Tát. Nếu viên mãn, bèn gọi là “thành Phật”. Nói đơn giản, Phật và chúng sanh sai khác ở chỗ: Một đấng là Tự Tánh Tam Bảo hiển lộ, một đấng là Tự Tánh Tam Bảo bị ẩn tàng trong vô minh, chẳng hiển lộ, nên gọi là phàm phu.

Tự Tánh Phật Bảo là “giác chứ không mê”, sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần, niệm niệm giác, đối với hết thảy các pháp chẳng mê hoặc. Tự Tánh Pháp Bảo là “*nhập Phật tri kiến*” như kinh Pháp Hoa đã nói, là Phật tri, Phật kiến. Nói đơn giản là tư tưởng và kiến giải chính xác; đó là Pháp Bảo. Rốt cuộc, tiêu chuẩn của chính xác là gì? Là tự tánh. Hễ tương ứng với tự tánh thì là chính xác, chẳng tương ứng với tự tánh thì là sai lầm. Đây là tiêu chuẩn tuyệt đối. Tự Tánh Tăng Bảo là thanh tịnh, sáu căn thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần. Mọi người phải ghi nhớ một điều khẩn yếu: Giác, Chánh, Tịnh là một, tuy một mà ba, tuy ba mà một. Có những kẻ cảm thấy ta đã giác, nhưng tâm vẫn chưa thanh tịnh, chẳng thanh tịnh thì giác khởi từ đâu? Chẳng thanh tịnh, chẳng giác! Người đã giác, tâm nhất định thanh tịnh, chẳng thể dấy lên một vọng niệm. Hễ trong tâm vẫn còn dấy lên một vọng niệm, cái tâm ấy chẳng thanh tịnh. Chẳng thanh tịnh là chẳng giác, là tà tri tà kiến. Do đó, tâm người giác ngộ nhất định thanh tịnh, người tâm thanh tịnh nhất định giác ngộ.

Còn có một điều chúng ta cần biết, tu học Phật pháp chính là ba đại cương lãnh sau đây: Tu Giác, tu Chánh, tu Tịnh. Do ba cương lãnh ấy “tuy một mà ba, tuy ba mà một”, nên quý vị chẳng cần tu hết cả ba điều Giác, Chánh, Tịnh, hoặc là đối với ba điều, ta tu điều này rồi lại tu điều kia, cũng chẳng cần phải chuốc lấy rắc rối như thế! Vì sao? Tu được một chuyện, [cả ba điều] thảy đều tu được! Vì vậy, đối với ba cương lãnh Giác, Chánh, Tịnh, quý vị chỉ cần tu một điều là được rồi. Không chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta như vậy, mà mười phương ba đời hết thảy chư Phật đều giáo hóa chúng sanh theo cách này.

Sau khi đức Phật diệt độ, Phật pháp cũng chia thành từng khoa, thường gọi là “*phân khoa, phán giáo*”, tức là có mười tông phái Đại Tiểu Thừa. Tạm thời, chúng ta chẳng bàn đến Tiểu Thừa, trong Đại Thừa có tám tông phái, lại có cái gọi là Tông Môn Giáo Hạ. “*Tông*

Môn” chuyên chỉ Thiên Tông, vì phương pháp tu hành của Thiên Tông khác Giáo Hạ. Thiên Tông là “*chẳng lập văn tự, chỉ thẳng tâm người*”. Trong Phật môn, điều này được gọi là Đốn Giáo. “*Chẳng lập văn tự*” là chẳng cần kinh điển, chẳng cần tới sách giáo khoa. Theo cách này, họ tu gì? Họ quy y Phật, đi theo môn này, tức là Giác môn. Giác môn rất cao! Chẳng giác bèn vĩnh viễn là mê, đã mê lại càng mê hơn, chuyện này rất phiền toái. Tuyệt đối chẳng phải là ai tu pháp môn này cũng đều có thể giác chứ không mê! Chúng ta thường nói “*đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*”, hiện thời mấy ai có thể minh tâm kiến tánh?

Lần này, tôi đến phương Nam, vẫn còn có đồng tu đến hỏi tôi: “Minh tâm kiến tánh là gì?” Vẫn chưa hiểu rõ, làm sao người ấy có thể minh tâm kiến tánh cho được? Vì thế, chẳng dễ dàng! Quý vị thầy trước kia lão pháp sư Đàm Hư thường nói: “Thiền khó lắm!” Cả một đời, lão nhân gia thấy người tham Thiền đắc Định thì có, nhưng chưa nghe nói ai kiến tánh, chớ đừng nói là thấy! Nghe mà còn chưa nghe nói tới, [chỉ nghe thấy] có người đắc Định. Công phu Định ấy khá sâu, người ấy hề khoan chân tĩnh tọa bèn có thể ngồi mười ngày hoặc nửa tháng chẳng xuất Định, mà cũng chẳng cần ăn cơm, mà cũng chẳng cần uống nước, công phu ấy rất sâu! Người có công phu Thiền Định sâu, thậm chí có thể ngồi suốt một năm, hai năm, ba năm, chim làm tổ trên người, có Định sâu dường ấy, nhưng đã kiến tánh hay chưa? Thưa cùng quý vị, chưa! Do công phu ấy, người đó trong tương lai có thể sanh vào Tứ Thiên Thiên, nhưng chẳng thể thoát khỏi tam giới. Nói cách khác, vẫn chẳng có cách nào thoát ly sanh tử luân hồi! Quý vị hãy suy nghĩ, theo Thiền môn (tức là Giác môn) để vượt thoát khó khăn như thế nào!

Ngoại trừ Tông Môn, đều gọi là Giáo Hạ; tức là trong mười tông phái ấy, trừ Thiên Tông ra, bất cứ tông phái nào cũng đều phải y cứ kinh điển. Nói cách khác, đều phải nương theo sách giáo khoa, do nương theo sách giáo khoa nên là Giáo. Chữ Giáo chỉ kinh bản, [Giáo Hạ] phải nương tựa vào kinh bản. Tịnh Độ Tông chúng ta cũng phải nương theo kinh bản, mở kinh ra để giảng dạy, nên gọi là Giáo Hạ. Giáo Hạ có chín tông phái, chín tông phái này tuyệt đại đa số đều đi theo Chánh môn. “*Chánh*” là chánh tri chánh kiến, nương theo lời Phật răn dạy để sửa đổi, uốn nắn tư tưởng, kiến giải và hành vi của bản thân chúng ta. “*Chánh*” là tiệm tu, nên có lớp Một, lớp Hai, lớp Ba, lên lớp dần dần. Tuy chậm, nhưng rất thực tiễn, rất đặc lực, chỉ cần quý vị nghiêm túc tu học, cảnh giới nhất định là mỗi năm một cao hơn, giống như học hành, mỗi năm đều lên lớp, chậm chạp nhưng thực hiện được. Thiên Tông là một bước

lên trời, nhưng phải có bản lãnh, lên không được là không xong, lên không được sẽ rơi xuống, rất đáng thương! Chẳng bằng leo cầu thang! Do vậy, Giáo Hạ là cầu mong chánh tri chánh kiến, theo Chánh môn để vào.

Trong Giáo Hạ có hai tông rất đặc biệt, một là Tịnh Độ Tông, hai là Mật Tông. Hai tông ấy chẳng theo Chánh môn, mà theo Tịnh môn để vào, tức là cầu tâm thanh tịnh. Tịnh Độ Tông là tu tâm thanh tịnh, Mật Tông cũng tu tâm thanh tịnh; do vậy, hai tông này là theo Tịnh môn để tiến nhập. Tuy Mật và Tịnh đều theo Tịnh môn để tiến nhập, nhưng chú vị phải hiểu: Tịnh Độ Tông là thuần tịnh, còn thanh tịnh hơn Mật. Vì vậy, xét theo khía cạnh pháp phương tiện, Tịnh Tông thuận tiện hơn bất cứ tông phái hay pháp môn nào, kinh điển để y cứ ít nhất, thường nói là “tam kinh nhất luận”, nay chúng ta đọc “ngũ kinh nhất luận”. Năm kinh là do vào đời Thanh, cư sĩ Ngụy Nguyên đã thêm vào Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, biến [tam kinh] thành tứ kinh, Ấn Quang đại sư lại thêm Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương vào, biến thành Tịnh Độ Ngũ Kinh. Hiện thời, chúng ta ấn hành bộ Ngũ Kinh [Độc Bản] là sách Tịnh Độ Tông hoàn bị nhất. Do vậy, kinh điển Tịnh Độ Tông là một quyển, tức là Ngũ Kinh do chúng ta ấn hành hiện thời. So với bất cứ tông nào, kinh điển của chúng ta ít nhất. Do ít, nên tâm mới có thể đạt được thanh tịnh. Nhiều hơn, tâm chẳng tịnh được, muốn tịnh cũng chẳng tịnh được! Điển tịch của Mật Tông nhiều hơn chúng ta. Tuy là đi theo Tịnh môn, nhưng họ muốn tịnh chẳng dễ dàng cho lắm, chẳng dễ dàng như chúng ta!

Quý vị hiểu Tam Bảo là ba đường lối minh tâm kiến tánh, hễ vào được cửa bèn hoàn toàn giống như nhau, cũng có thể nói là tâm đã thanh tịnh, chẳng có bất giác, chẳng có bất chánh. Do vậy, trong Phật môn thường nói: “Một kinh thông, hết thấy các kinh đều thông”. “Thông” là như thế nào? Nếu quý vị thật sự thấy tự tánh từ kinh này, Giác là tự tánh, Chánh là tự tánh, Tịnh vẫn là tự tánh, quý vị chỉ cần đạt được một thứ thì đã kiến tánh. Bôn tánh là Giác, là Chánh, mà cũng là Tịnh. Đó gọi là “một mà ba, tuy ba mà một”. Vì lẽ đó, quý vị chỉ cần kiến tánh thì hết thấy các pháp không gì chẳng quán thông!

Người niệm Phật chúng ta niệm đến mức tâm đã thanh tịnh, tất cả hết thấy kinh điển, không có bộ kinh nào quý vị chẳng hiểu. Mở ra xem, chẳng cần người khác giảng, tự nhiên thông suốt hết thấy, vì sao có thể thông? Vì hết thấy kinh được giảng là từ tự tánh của Phật lưu lộ, quý vị đã kiến tánh, kiến giải của quý vị chẳng khác Phật. Nói cách khác, chính

quý vị nói mà chính mình còn chẳng hiểu ư? Chính mình soạn văn chương thì chính mình còn có chương ngại ư? Đạo lý là như vậy đó! Chẳng kiến tánh, văn chương ấy là của người khác, là của Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng phải là của ta. Đã kiến tánh bèn biến thành của chính mình, chuyện là như thế đó! Do vậy, quý vị hiểu nguyên lý và nguyên tắc này, biết chân tướng sự thật này, quý vị sẽ biết dùng phương pháp gì để cầu được, trọng yếu lắm!

Tông Môn vừa bắt đầu tu tập bèn tu Định, khai ngộ cầu Giác từ nơi Định, phương pháp ấy rất đặc biệt. Trừ Tông Môn ra, bất luận tông phái nào, kể cả Tịnh Độ Tông và Mật Tông, đều phải dốc sức nơi kinh điển, dốc sức nơi kinh điển là tu gì vậy? Thừa quý vị, vẫn là tu Định! Thiên Tông chẳng dùng kinh điển, xếp bằng tĩnh tọa, ngồi nơi đó tham thoại đầu hay quán tâm, dùng phương pháp ấy để tu Định. Giáo Hạ dùng kinh điển để tu Định, tức là nói “phải đọc kinh”. Chư vị phải hiểu rõ, đọc kinh là tu Định. Đọc kinh chẳng phải là làm gì khác, tuyệt đối chẳng phải là cầu hiểu biết, niệm kinh này, câu này nghĩa là gì, giảng theo cách nào, thôi rồi, chẳng có Định, Tam Học Giới, Định, Huệ thấy đều chẳng có! Vì thế, đọc kinh chẳng cầu hiểu, lấy niệm kinh làm phương pháp để tu Định. Định là trong tâm chẳng có vọng niệm, khi chúng ta đọc kinh, trong tâm chẳng có vọng tưởng, không khởi niệm nào khác, tâm định nơi kinh, chuyện là như thế đó. Nói thật ra, Tam Học Giới, Định, Huệ đều tu một lượt, quý vị mỗi ngày niệm một giờ là tu một giờ, mỗi ngày niệm hai giờ là tu hai giờ, nhưng chư vị phải biết: Mỗi ngày tối thiểu phải tu một giờ. Trong hai mươi bốn giờ, có thể giữ cho tâm định một giờ, chẳng thể ít hơn! Đương nhiên thời gian tu Định càng nhiều càng hay.

Đọc kinh nhiếp tâm hết sức dễ dàng, nhưng phải chọn lựa kinh sao cho phân lượng thích hợp. Quá dài, người bình phàm chẳng dễ thọ trì. Quá ngắn, thời gian quá ít, chẳng thể hàng phục tập khí vọng tưởng của chính mình, chẳng đủ sức mạnh! Vì vậy, phải chọn lựa sao cho thích đáng. Cổ đại đức khuyến khích chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ, vì kinh văn của kinh Vô Lượng Thọ dài ngắn tương đối thích đáng. Lúc mới niệm, niệm kinh ấy một lần từ đầu đến cuối ước chừng phải mất hai tiếng đồng hồ, sau khi đã niệm quen, đại khái là bốn mươi phút đã niệm được một lần. Nhưng khi niệm, bốn mươi phút khá nhanh, niệm chậm hơn một chút, tốt nhất là một tiếng, trong một giờ ấy, tâm chúng ta định, công phu khá đặc lực. Dùng phương pháp này để niệm trong ba năm hay năm năm, tâm thật sự định, định rồi bèn có thể sanh trí huệ. Sau khi tâm đã định, niệm Phật hiệu mới đặc lực.

Hiện thời, chúng ta niệm Phật hiệu, vì sao niệm Phật mà công phu chẳng thành tựu? Do tâm chúng ta chẳng định, chỉ dùng tâm tán loạn để niệm Phật. Thiện Đạo đại sư bảo tâm tán loạn niệm Phật là “tạp tu”. Nếu chúng ta dùng tâm thanh tịnh để niệm Phật, sẽ được gọi là “chuyên tu”. Vì vậy, hai người đồng thời cùng niệm A Di Đà Phật, một người tạp tu, người kia chuyên tu. Chuyên tu trừ một câu Phật hiệu ra, người ấy chẳng có tạp niệm. Kẻ tạp tu niệm Phật hiệu, nhưng vẫn còn nghĩ Đông, tưởng Tây, vẫn có rất nhiều vọng tưởng trong đó, đây là “tạp tu”. Tạp tu không nhất định là xen tạp chi khác, chỉ cần có vọng tưởng tạp niệm đều là tạp tu. Tạp tu rất khó thành tựu, Thiện Đạo đại sư bảo là trong một vạn người, khó được dăm ba người vãng sanh, còn chuyên tu là vạn người tu, vạn người đến, chẳng sót một ai!

Chúng ta phải huấn luyện chính mình chuyên tâm, hãy dùng phương pháp đọc tụng kinh điển này sẽ hết sức hữu hiệu. Tôi nghĩ mỗi người đều hy vọng chính mình có thể chuyên, nhưng chẳng chuyên được, nên có người nói: “Nghiệp chướng của tôi quá nặng”. Nghiệp chướng quá nặng thì có cách nào? Phải nghĩ cách tiêu trừ! Nghiệp chướng nặng nề cách mấy cũng tiêu trừ được, chỉ sợ quý vị chẳng chịu làm. Dùng phương pháp gì để tiêu trừ? Dùng phương pháp niệm kinh để tiêu trừ. Nếu quý vị niệm kinh thì niệm kinh phải đúng cách, phải biết niệm; chẳng biết niệm, sẽ chẳng có cách nào! Biết niệm là gì? Niệm nhưng chẳng mong hiểu, biết ta niệm kinh là tu Giới, Định, Huệ, đó là biết niệm. Vừa niệm kinh, vừa nghiên cứu điều này có nghĩa là gì, tức là chẳng biết niệm! Đó là vừa niệm vừa dấy vọng tưởng, suy đoán ý nghĩa của Phật, Bồ Tát, quý vị suy đoán cách nào cũng chẳng đoán được, đó là chẳng biết niệm. Nếu chúng ta hiểu rõ những chỗ này, tu tập đúng lý, đúng pháp, nghiệp chướng của quý vị sẽ tiêu trừ trong một thời gian ngắn!

Nghiệp chướng có tiêu trừ hay không, chính mình biết, chẳng cần hỏi ai khác! Hiện tượng nghiệp chướng tiêu trừ là vọng niệm của quý vị ít đi, phiền não ít ỏi, tâm tình vui sướng, pháp hỷ sung mãn. Người học Phật đã rất lâu, càng học càng lắm phiền não, không chỉ là nghiệp chướng chẳng tiêu tan, mà càng tăng trưởng, tuyệt đối chẳng phải là Phật pháp bất hảo, mà do chính quý vị đã học sai lầm, học chẳng đúng pháp. Nếu đúng pháp, chắc chắn tiêu trừ nghiệp chướng. Vì sao người khác học Phật có thể tiêu tan nghiệp chướng, mà ta học Phật chẳng tiêu nghiệp chướng được? Vì thế, chính mình nhất định phải hổ thẹn, nhất định phải phản tỉnh, phải sửa lỗi, đổi mới, phải bắt đầu học lại thì mới có

thể đạt tới hiệu quả. Nhất là pháp môn Tịnh Độ thấy hiệu quả nhanh nhất, quý vị nghiêm túc tu học, ba tháng sẽ thay đổi, nửa năm thì chắc chắn là quý vị sẽ cảm nhận thấy mỗi ngày đều tiến bộ, cảnh giới mỗi năm khác nhau, mỗi tháng khác nhau. Dầu mỗi ngày quý vị chẳng nhận biết, nhưng khi so sánh mỗi tháng, sẽ nhận biết hết sức rõ rệt: Công phu lại tiến thêm một bước, đúng là mỗi tuần khác hẳn. Khi ấy, thật sự đạt được pháp hỷ, đó gọi là “*pháp hỷ sung mãn*”, đạt được khinh an, đắc pháp hỷ! Do vậy có thể biết tánh chất trọng yếu của việc đọc kinh.

Đọc kinh phải có thời gian nhất định. Nếu công việc quá bận rộn, quý vị tìm thời gian rảnh rỗi, dùng thời gian ấy để đọc kinh. Nếu trong gia đình quý vị, nay quý vị là một người đã học Phật, nhưng người trong nhà vẫn chưa hiểu Phật pháp, vẫn chưa học Phật, mỗi ngày quý vị niệm kinh, người trong nhà trông thấy chẳng hoan hỷ, lúc đó phải tu như thế nào? Kinh chẳng thể không đọc, lại chẳng muốn bị người khác chán ghét, tự độ, độ tha mà! Vậy thì ta tự hỏi, vì sao khi ta đọc báo, người trong nhà chẳng chán ghét quý vị? Lúc quý vị xem tiểu thuyết, người nhà cũng chẳng chán ghét quý vị? Vì sao hễ quý vị niệm kinh, người nhà bèn chán ghét? Vì quý vị niệm kinh đọc ra tiếng, họ nghe thấy, bực bội! Quý vị đọc báo chẳng có âm thanh, xem tiểu thuyết cũng chẳng có âm thanh, ta bèn hiểu rõ, lúc đọc kinh bèn giống như cách đọc tiểu thuyết, đừng phát ra tiếng, phải hiểu đạo lý này.

Vì sao? Thông thường, chẳng có một ai không thích hoàn cảnh yên tĩnh, sợ ồn ào. Nhất là ở ngoại quốc, nếu tiểu Phật đường của chúng ta tạo dựng trong khu dân cư, quý vị gõ mõ, đánh dẫn khánh ở đó, hàng xóm sát vách sẽ gọi điện thoại tới sở cảnh sát. Khi đó, cảnh sát tới ngay: “Trong nhà quý vị đang làm chuyện gì vậy? Làm phiền hàng xóm là không được rồi!” Vì thế, học Phật, điều khẩn yếu nhất là gia đình hòa thuận, cả nhà vui vẻ, đừng khiến cho kẻ khác chán ghét, điều này hết sức trọng yếu. Sau khi đã học Phật, phải vận dụng những điều Phật đã giáo huấn vào gia đình, chẳng thể nói chúng ta học Phật, rất nhiều lễ tiết và nghi thức trong Phật môn, trong Phật đường mọi người đều biết, nhưng về nhà bèn quên sạch. Nhất định phải đem những thứ trong Phật đường, Phật đường là lớp học, phải đem những thứ đã học trong lớp về nhà. Đem về đến nhà, đem vào cuộc sống, biết dùng trong cuộc sống, đó là dạy quý vị phải Giác, phải Chánh, tư tưởng lẫn kiến giải đều phải chính xác.

Điều thứ nhất Phật môn dạy chúng ta là hoan hỷ. Hễ khi bước vào chùa miếu, tiếp xúc đầu tiên là Thiên Vương Điện, đó là điện đường ta

thấy ngay khi vừa bước vào cửa Phật. Vào cửa Phật bèn học điều gì? Học vẻ mặt tươi cười đón tiếp người khác. Vì quý vị vào cửa Phật, đầu tiên là thấy Di Lặc Bồ Tát, cười hề hà, nhằm dạy quý vị. Kinh nói: Bồ Tát ở chỗ nào cũng đều khiến cho hết thấy chúng sanh sanh tâm hoan hỷ. Đó là Bồ Tát! Vì thế, A La Hán trong Tiểu Thừa chẳng bằng Bồ Tát, Tiểu Thừa là tự lợi, chẳng lợi ích chúng sanh; người Đại Thừa coi lợi ích chúng sanh là bậc nhất. Di Lặc Bồ Tát đặc biệt được tạc với hình tượng Bồ Đại hòa thượng, ý nghĩa được tượng trưng càng sâu hơn. Bụng to biểu thị có lượng bao dung, có thể dung nạp, Ngài biểu thị “*sanh tâm bình đẳng, thành tướng hoan hỷ*”, đối với bất cứ ai đều hoan hỷ, hết thấy thị phi, thiện ác đều có thể dung nạp, dạy chúng ta điều ấy. Chúng ta phải áp dụng điều này vào gia đình, vào trong cuộc sống. Tứ Đại Thiên Vương biểu thị pháp: Đông Phương Thiên Vương biểu thị trọn hết trách nhiệm, Nam Phương Thiên Vương biểu thị mỗi ngày đều đổi mới, Tây Phương và Bắc Phương biểu thị đa kiến đa văn, học rộng, nghe nhiều. Thiên Vương Điện chính là bài học đầu tiên cho quý vị khi vừa vào Phật môn. Trong tự viện thờ Di Lặc Bồ Tát nhằm luôn luôn nhắc nhở chúng ta. Vì thế, sự giáo học như vậy không chỉ là cơ sở của việc học Phật, mà còn là cơ sở để làm người.

Bất luận quý vị theo đuổi nghề nghiệp nào trong xã hội; năm trước, tôi sang Vancouver, Gia Nã Đại giảng kinh, có Châu cư sĩ lần đầu tiên đến nghe tôi giảng, nghe tôi nói đến chỗ này, ông ta vô cùng hoan hỷ, thưa với tôi: “Học điều này rất hữu dụng, con là dân kinh doanh, áp dụng phương pháp này vào kinh doanh nhất định kiếm được tiền, khách hàng nhất định có ấn tượng tốt đối với con”. Đúng thế! Chẳng sai tí nào! Ông ta học rồi bèn sử dụng trong thương trường, đó là thương nhân Bồ Tát, là bậc Bồ Tát trong thương trường. Vừa khởi đầu Giác, Chánh, Tịnh, bèn giảng Tam Bảo cho quý vị, nhất định phải biết điều này!

“*Hoặc nghe tiếng Tịch Tĩnh*”: Tam Bảo được nói trong phần trước là cơ sở, căn bản của toàn thể Phật pháp, còn từ Tịch Tĩnh cho đến Không Vô Ngã là nói riêng về Tam Thừa. Tịch Tĩnh, Không, Vô Ngã là ba pháp ấn của Tiểu Thừa, là giáo nghĩa Tiểu Thừa. Tây Phương Cực Lạc thế giới thuần là Đại Thừa, có sao có giáo nghĩa Tiểu Thừa? Trong Đại Kinh đã nói rất tỉ mỉ, thế giới Tây Phương là một thế giới rất đặc biệt. Chúng sanh trong thế giới của hết thấy chư Phật khắp mười phương có căn tánh bất đồng, do A Di Đà Phật tiếp dẫn trọn khắp, họ đều vãng sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì thế, trong các chủng tánh nơi đó, có chủng tánh người, trời, có chủng tánh Nhị Thừa. Chẳng hạn như

có rất nhiều người tu Tiểu Thừa, Tiểu Thừa Sơ Quả, Nhị Quả, cho đến A La Hán, cho tới Bích Chi Phật, đã tu nhiều đời, nhiều kiếp, tập khí rất sâu, thấy A Di Đà Phật, vẫn muốn biết Tịch Tĩnh, Không, Vô Ngã, vẫn nghĩ tới những pháp ấy. A Di Đà Phật thỏa mãn nguyện vọng của họ. Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật giáo học trọn chẳng áp đặt kẻ khác, quý vị muốn học gì, Ngài sẽ dạy quý vị pháp ấy; bất quá Ngài có phương tiện thiện xảo, từ từ dẫn dụ quý vị nhập pháp Nhất Thừa, đó là chỗ cao minh của Ngài. Vì vậy, quý vị muốn nghe Tiểu Thừa, Ngài sẽ dạy quý vị Tiểu Thừa.

“*Đại từ bi thanh, Ba La Mật thanh*”, đây là pháp Bồ Tát, Bồ Tát phải tu Lục Độ, phải tu đại từ đại bi. Đó là nói thông thường, nhà Phật là “*từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa*”. Ở đây có đại từ bi, phương tiện là gì? Thừa cùng quý vị, Lục Ba La Mật là phương tiện, Phương (方) là phương pháp, Tiện (便) là thuận tiện, tiện lợi, thích hợp, phương pháp ấy sử dụng rất hợp. Đó là “*phương tiện*”, sử dụng hết sức có hiệu quả, khít khao.

Pháp Bồ Tát vô lượng vô biên, Lục Độ là quy nạp vô lượng pháp Bồ Tát thành sáu loại lớn, loại thứ nhất là bố thí. Bố thí là Xả, là buông xuống, tuyệt đối chẳng phải là vừa thấy bố thí, [liền nghĩ] chúng ta bỏ ra một chút tiền tài, [hiểu như vậy] là sai mất rồi! Quý vị bỏ tiền tài bèn có thể thành Bồ Tát ư? Có thể thành Phật ư? Có thể minh tâm kiến tánh ư? Chẳng thể được! Do vậy, mọi người ngàn vạn phần chớ nên hiểu lầm. Bố thí trọng yếu nhất là phải buông xả phiền não, bố thí hết, bỏ hết, buông xuống, bỏ sạch tập khí. Phẩm kinh giảng về [địa vị] Đệ Lục Hồi Hướng [Bồ Tát] trong kinh Hoa Nghiêm¹ đã nói hơn bảy mươi loại bố thí, nói hết sức tỉ mỉ, nhưng hơn bảy mươi loại ấy là nói đề cương, khái yếu, vẫn chưa phải là nói chi tiết. Chúng tôi đã giảng chương Lục Hồi Hướng ấy suốt một năm!

Tu hành, chur vị nhất định phải hiểu, bản thân chúng ta có loại phiền não nào nặng nhất, loại tập khí nào nặng nhất, trước hết phải dốc

¹ Đây là phẩm thứ hai mươi lăm trong bộ Bát Thập Hoa Nghiêm Kinh do ngài Thật Xoa Nan Đà dịch, dài đến bốn quyển kinh văn. Trong phẩm này, Thập Tràng Bồ Tát (tức mười vị Bồ Tát có chữ Tràng trong danh hiệu như Kim Cang Tràng, Kiên Cố Tràng, Dũng Mãnh Tràng, Quang Minh Tràng v.v...) từ mười phương đến dự pháp hội. Trong số đó, Kim Cang Tràng Bồ Tát làm thượng thủ, tuyên nói mười địa vị hồi hướng. Đệ Lục Hồi Hướng Bồ Tát có tên gọi đầy đủ là Tùy Thuận Bình Đẳng Thiện Căn Hồi Hướng, còn gọi là Tùy Thuận Kiên Cố Nhất Thiết Thiện Căn Hồi Hướng, hoặc Nhập Nhất Thiết Bình Đẳng Thiện Căn Hồi Hướng.

sức từ chỗ đó. Giống như chữa bệnh, trên thân quý vị có rất nhiều thứ bệnh, không phải chỉ là một loại! Bệnh nào nguy hiểm đến tánh mạng, bệnh nào gây mất mạng thì phải trị lành căn bệnh ấy trước, sau đó mới trị các bệnh khác, mới trị các bệnh nhẹ hơn, trước hết, hãy đối phó chứng bệnh nặng nhất, đó mới là biện pháp [đúng đắn]. Nếu quý vị điên đảo đầu đuôi, trị bệnh nhẹ trước, đối với bệnh nặng vẫn chẳng nghĩ là khẩn yếu, bệnh nhẹ còn chưa trị lành, bệnh nặng bộc phát liền ô hô ai tai, chẳng có cách nào trị được, chỉ có một con đường chết! Nhất định phải là trước hết tìm được căn bệnh nặng nhất của chính mình, dốc sức sửa đổi nơi đó, trừ bỏ ở chỗ đó trước!

Vì thế, bỏ thí hết phiền não, bỏ thí sạch sanh tử. Phiền não đã bị bỏ thí hết, chẳng còn phiền não. Sanh tử đã bỏ thí sạch, bèn bất sanh, bất diệt. Có thể thấy là đối với hai điều này, quý vị đều chẳng thể bỏ thí, nên hằng ngày sanh phiền não, còn có sanh tử luân hồi! Vì sao không thể buông sanh tử luân hồi xuống? Có thể buông những thứ ấy xuống, sẽ được gọi là đại trọng phu trong Phật môn, lỗi lạc thay! Những thứ ấy đều buông xuống, hưởng gì vật ngoài thân? Vật ngoài thân đều là lông gà, vỏ tỏi, có gì là chẳng thể bỏ? Trong Niệm Phật Đường, vị chủ trì Phật Thất thường nói: *“Buông thân tâm thế giới xuống”*. Đó là thật sự bỏ thí, phải buông xuống, trong tâm quý vị mới được thanh lương tự tại. Nói cách khác, trong tâm quý vị có ưu lự, có vướng mắc, những thứ ấy đều là bệnh, đều là gốc bệnh của sự luân hồi trong sáu đường. Quý vị phải buông sạch những thứ vướng mắc xuống, bỏ càng nhiều càng hay! Lục Tổ nói trong cái tâm thanh tịnh của quý vị *“vốn chẳng có một vật”*, đó mới là chân tâm và bản tánh của quý vị. Nếu quý vị chẳng thể bỏ sạch sành sanh, chân tâm bản tánh sẽ chẳng thấu lộ, Thiên Tông nói *“minh tâm kiến tánh”*, chắc chắn quý vị chẳng minh tâm, mà cũng chẳng kiến tánh, vì sao? Quý vị không chịu buông xuống, chẳng bỏ những thứ đó.

Có thể thấy trong pháp môn của Bồ Tát, pháp môn này được gọi là pháp căn bản, Bồ Tát tu gì? Từ đầu tới cuối, từ Sơ Phát Tâm mãi cho đến khi thành Phật là tu bỏ thí, cũng là tu buông xuống. Quý vị nói Phật pháp rắc rối, nhưng Phật pháp chẳng rắc rối mà rất đơn giản! Thuở ấy, tôi gặp Chương Gia đại sư, thỉnh giáo lão nhân gia, Ngài khai thị sáu chữ: *“Khán đặc phá, phóng đặc hạ”* (thấy thấu suốt, buông xuống được). Buông xuống là bỏ thí, thấy thấu suốt là Bát Nhã, là trí huệ. Trí huệ khai từ chỗ nào? Phải buông xuống, trí huệ mới khai. Trí huệ đã khai, quý vị thật sự chịu buông xuống. Bởi lẽ, hai phương pháp ấy giúp đỡ, thành tựu

lẫn nhau. Càng bằng lòng buông xuống, trí huệ càng tăng trưởng. Trí huệ càng tăng trưởng, buông xuống càng triệt để.

Bồ Tát khác chúng ta, Bồ Tát biết đạo lý này, nghiêm túc thực hiện. Phàm phu chúng ta chẳng hiểu đạo lý này, mà cũng chẳng chịu làm! Người sơ học nói nghiệp chướng nặng nề, nặng ở chỗ nào? Đã biết đạo lý này mà vẫn chẳng chịu làm, đúng là nghiệp chướng nặng nề! Hiểu đạo lý, học thuyết hiện đại gọi là “*tri dị hành nan*” (biết dễ làm khó), thật ra, đạo lý thật sự là “*tri nan hành dị*”, biết khó, làm chẳng khó! Biết nguyên lý, nguyên tắc, chân tướng sự thật này, rất khó! Nếu đức Phật chẳng xuất thế, làm sao chúng ta biết cho được? Người biết điều này, ngay lập tức buông xuống, đó là “*phóng hạ đồ đao, lập địa thành Phật*” (buông dao đồ tể xuống, lập tức thành Phật), “*dao đồ tể*” là tỷ dụ, “*dao đồ tể*” là tạo nghiệp, [“*buông dao đồ tể xuống*”] là quý vị buông hết thấy những thứ tạo nghiệp xuống, bèn thành Phật, mang ý nghĩa ấy. Đó là từ bi và Ba La Mật, Ba La Mật là phương tiện.

Nói thực tại, vẫn chẳng thể không nói đại lược, hy vọng mọi người hiểu rõ. Đích xác là chúng ta phải vận dụng Phật pháp trong cuộc sống thì mới thật sự có thể lìa khổ, được vui. Nói cách khác, khiến cho chúng ta sống một đời này thật sự hạnh phúc mỹ mãn. Nếu người học Phật mà chẳng làm được điều này chút nào, những điều khác chẳng cần phải bàn tới nữa, chắc chắn là quý vị chẳng có phần nơi thế giới Cực Lạc. Nay quý vị đang học, học khổ sở dường ấy, há còn có thể đến thế giới Cực Lạc? Thế giới Cực Lạc là hoan hỷ đi đến đó, chẳng có chuyện nhú mày nhăn mặt đi về đó, [nếu ra đi mà khổ sở như vậy] thì sẽ chẳng thể đến đó thành công được! Do vậy, nhất định phải giác ngộ, phải tu Lục Độ, đầu tiên là phải biết buông xuống, phải biết xả.

“*Trì giới*” là tuân giữ pháp. Mọi người đừng chết cứng nơi giới điều, [chấp chặt từng giới điều] vô dụng! Giới là pháp, [giống như] hiến pháp hoặc pháp luật quốc gia, chúng ta phải tuân thủ, quyết định đừng phạm pháp. Trừ những điều này ra, [tức là] ngoài việc tuân thủ pháp luật do các cơ cấu lập pháp của quốc gia chế định ra, còn có những luật lệ bất thành văn, hoặc các luật chẳng viết ra, đó là gì? Là gì vậy? Phong tục, tập quán, lễ phép, phải tuân thủ những thứ ấy. Đó gọi là: “*Nhà có gia quy, nước có quốc pháp*”, vào nước nào phải tuân theo phong tục [nước đó]. Chúng ta vào nhà nào, nhà ấy có những quy củ gì, chúng ta phải tuân thủ, chẳng thể phá hoại; đến quốc gia khác, trước khi đến, phải liễu giải tình hình trong quốc gia ấy, chỗ nào cần phải chú ý, phải tuân thủ, những điều này đều thuộc về trì giới.

Chư vị phải hiểu trì giới trọn chẳng phải là “ta giữ năm giới hay mười giới”, thực hiện cứng nhắc như thế, quý vị học Phật xong chẳng thể vận dụng. Trong các phương diện của đời sống như gia đình, sự nghiệp, xử sự, đãi người, tiếp vật, thấy đều chẳng dùng được! Nói cách khác, không đạt được lợi ích trước mắt từ Phật pháp, nói “sau khi đã chết mới đạt được” chính là gạt người, chẳng có đạo lý ấy! Bao nhiêu tử du trong kinh Phật, khai hoa trước, kết quả sau, những gì đạt được trong hiện tại là “hoa báo”. Hoa đã nở tốt đẹp, sau này nhất định kết thành quả tốt đẹp. Hiện tại khổ sở cay đắng chẳng có hoa, làm sao về sau có quả cho được? Chẳng thể có quả! Nhất định là đơm hoa trước rồi mới kết quả sau, điều này vô cùng trọng yếu. Hiện thời, chúng ta thấy nhiều người học Phật sai lầm, toàn là học chết cứng, nói khó nghe hơn là học ngây ngốc, [giống như] kẻ học hành chẳng hiểu, biến thành kẻ cuồng chữ. Chúng ta học Phật mà chẳng thông suốt cũng trở thành hạng ngây ngốc trong nhà Phật. Vì vậy, phải hiểu trì giới là gì, phải hiểu rõ định nghĩa này, phải học [Phật pháp một cách] sống động!

“*Nhẫn nhục*”, nhẫn nhục là bồi dưỡng lòng nhẫn nại của chính mình. Pháp thế gian và xuất thế gian, nếu quý vị chẳng kiên nhẫn, sẽ không thể thành tựu, đó cũng là “*hằng tâm, nghị lực*” như người thế gian thường nói. Quý vị phải có chí thường hằng, “*hữu hằng vi thành công chi bản*” (có chí thường hằng là cái gốc để thành công). Nhẫn Nhục Ba La Mật là bồi dưỡng hằng tâm của quý vị. Tu học Phật pháp phải tốn thời gian khá dài, tuyệt đối chẳng phải là có thể thành tựu trong một thời gian ngắn. Hiện thời, người bình phàm học Phật, nói thật ra, chẳng bằng người trong thế hệ trước, tuyệt đối chẳng phải là thế hệ chúng ta thông minh và trí huệ chẳng bằng cổ nhân. Quý vị nói như vậy là sai mất rồi. Con người hiện thời chắc chắn thông minh hơn người trong quá khứ, vì sao thành tựu chẳng bằng cổ nhân? Do phương pháp sai lầm, tự cậy thông minh, chẳng chịu nương theo phương pháp truyền thống để tu học, chính mình sáng chế một phương pháp khác, đó gọi là “*tự cậy thông minh*”. “*Thông minh đâm ra bị làm lẫn bởi thông minh*”, đáng tiếc thay! Do cổ nhân thật thà, tuân thủ giáo huấn của thầy, có thể tuân thủ kinh nghiệm của tiền nhân, nên thành tựu rất dễ dàng!

Người xưa kia, nói thật ra, chẳng có bản lĩnh chi khác. Bản lĩnh của họ là Chuyên. Tam Tụ Kinh có nói: “*Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên*” (trong đường lối dạy học, cốt yếu là chuyên). “*Giáo*” là giáo học, đạo lý giáo học là chuyên. Người hiện thời bày vẽ hoa hòe, hoa sói, đạo dạy học hiện thời là “*quý dĩ bác*” (cốt sao cho rộng), hễ là rộng thì hết thầy

đều hồng. Trong nhà trường hiện thời, mỗi ngày học mấy lớp khác nhau. Một học kỳ phải học thật nhiều thứ, thời cô không có chuyện ấy. Dạy học thời cô là kẻ có thiên bẩm hết sức cao chỉ có thể học đồng thời hai môn. Hai môn cũng không thể học cùng một lúc, tôi đa là cách một ngày mới đổi sang thứ khác. Chẳng hạn như một ngày học Kinh, một ngày học Sử, mỗi ngày tâm đều chuyên, tâm chẳng phân biệt. Ngày thứ hai đổi sang môn khác, tuyệt đối chẳng phải là trong một ngày học hai môn, chẳng thể được! Nếu là kẻ bẩm tánh trung bình, chẳng thể học hai môn, chỉ có thể học một môn. Học một môn ấy xong rồi mới có thể học môn thứ hai, chuyên mà!

Đó là kinh nghiệm và tâm đắc giáo dục mấy ngàn năm của Trung Quốc, thành quả bày ra ngay trước mặt. Người hiện thời chẳng tin, muốn học rộng, thật ra, rộng là tạp, là loạn, nói “rộng” là nói cho dễ nghe hơn một chút! Hiện thời là tạp loạn, tạp loạn bèn chẳng có lẽ lối, lẽ nào có thể thành tựu cho được? Vì lẽ đó, nhân nhục là chuyên, có ý nghĩa này. Chuyên thì phải nhân, nhất là trong xã hội hiện thời, thấy người ta học nhiều như thế, trong tâm rất khó chịu. Quý vị thấy người ta học nhiều như thế, [bèn so đo] “ta học một thứ, khô cần, vô vị”. Nếu quý vị chẳng kiên nhẫn thì làm sao được? Nếu quý vị học một thứ suốt ba năm sẽ là người nổi trội, vì sao? Một vị chuyên gia. Người khác trong ba năm học rất nhiều thứ. Thứ gì cũng biết chút chút, thứ gì cũng hiểu biết nửa vơi, chẳng có cách nào vượt trội, quý vị học một thứ tuyệt diệu lắm!

Thí dụ như có nhiều Phật Học Viện ngàn ấy, nhưng có Phật Học Viện nào xuất hiện nhân tài? Vì sao chẳng đào tạo nổi nhân tài? Vì họ học tạp loạn. Trong quá khứ, tôi cũng lập Phật Học Viện, sau khi đã giác ngộ, mới hiểu lỗi lầm ấy, có lỗi với học trò! Sau đó, chẳng có dũng khí làm nữa! Không chỉ chẳng dám làm, mà Phật Học Viện mời tôi đến dạy, tôi cũng không dám đến. Tôi cảm thấy tới đó lên lớp giảng dạy tức là nhiều loạn học trò. Đã có lắm kẻ nhiều loạn họ ngàn ấy, tôi lại đến nhiều loạn họ một phen, há nở lòng nào? Do vậy, tôi không đến. Vì thế, nhất định phải chuyên, chuyên học.

Tôi khuyên chư vị đồng tu, phải thật sự đặt vững cơ sở nơi Phật pháp. Sau khi đặt vững cơ sở, sẽ không chỉ hiểu xuyên suốt Phật pháp, mà pháp thế gian cũng thông đạt. Vì sao? Quý vị có Định và Huệ, làm bất cứ nghề nghiệp gì trên thế gian cũng đều là bậc nhất, đều là người vượt trội. Quý vị gặp bất cứ cảnh giới nào, trong tâm có chủ tể, chẳng động tâm, cách nhìn và kiến giải của quý vị cao minh hơn người khác. Phương pháp tu học là từ ba năm đến năm năm, quý vị niệm một quyển

kinh sách, cách này đơn giản lắm, vô cùng hữu dụng. Nếu quý vị tin tưởng tức là quý vị có phước. Chẳng tin tức là quý vị thiếu phước báo, vẫn muốn tạp loạn, như vậy thì chẳng có cách gì cả! Dễ dàng và đơn giản dường ấy! Điểm vô cùng hay của kinh Vô Lượng Thọ là dài ngắn thích hợp. Nếu quý vị nếu muốn dài hơn một chút, bèn niệm Tịnh Độ Ngũ Kinh, phân lượng đủ rồi. Điều này chắc chắn có lợi cho quý vị, đó là nhân nhục.

Chỉ có nhân nhục mới là tinh tấn. Tấn (進) là câu tiến bộ. Điều trọng yếu nhất trong tiến bộ là thuận chứ không tạp, như vậy là tiến bộ. Ta niệm mỗi ngày, đó là Tấn. Mỗi ngày niệm một thứ là Tinh (精: chuyên ròng). Ta niệm rất nhiều thứ, tuy Tấn nhưng chẳng có Tinh, Tấn thì phải là Tinh Tấn. Hai điều sau là thâm hoạch của quý vị, những điều trước là buông xuống, tuân thủ pháp, kiên nhẫn, cầu tiến bộ, tức tinh tấn, quý vị sẽ đắc Định, đạt được trí huệ, hai điều sau là Thiên Định và Bát Nhã sẽ tự nhiên đạt được.

Tôi giải thích với mọi người về Lục Độ như vậy, quý vị sẽ dễ hiểu hơn, chẳng đến nỗi thấy Lục Độ chẳng biết là chuyện gì, mà cũng chẳng biết cách tu ra sao? Giống như thấy [kinh điển dạy] bố thí, bèn vội vã đến chùa cúng mấy đồng tiền. Nếu chùa ấy chẳng phải là [nơi tu hành chân chánh theo đúng] Phật pháp, quý vị [cúng dường chính là] giúp họ tạo ác. Đã mất tiền, lại còn phải chịu trách nhiệm nhân quả, tương lai còn bị đọa lạc. Quý vị chẳng bỏ ra món tiền ấy, chẳng đọa lạc; [thế mà] bỏ tiền ra còn bị đọa lạc, vì sao? Giúp kẻ khác làm ác, giúp họ làm chuyện xấu! Thấy [nói] trì giới, vội vã nghĩ nếu ta chẳng sát sanh, chẳng trộm cắp [là được rồi]. Tuy hằng ngày nghĩ như thế, nhưng thứ gì cũng chẳng làm được, vì chẳng hiểu ý nghĩa của chúng! Đó là nói về pháp Bồ Tát.

“*Thập Lục, Vô Úy, Bát Cộng Pháp thanh*” là pháp Nhất Thừa, pháp Nhất Thừa là Phật pháp. Nơi quả địa Như Lai có mười loại năng lực đặc thù, Bồ Tát không có, có Tứ Vô Úy, có mười tám pháp Bát Cộng, Bát Cộng là chẳng có chung với Bồ Tát, [nghĩa là] Bồ Tát chẳng có [những pháp ấy], chỉ trong quả địa Như Lai là có. Mấy câu này là nói về sự thành Phật, mức độ này cao hơn [mức độ trước] một bậc. Điều này nói rõ Tây Phương Cực Lạc thế giới là sáu trần thuyết pháp, nội dung những điều được nói đương nhiên phải là có trọn hết [tất cả các pháp]. Quý vị muốn nghe pháp gì, bèn nói pháp đó. Lúc quý vị chẳng muốn nghe, sẽ chẳng nghe thấy. Đúng là tự tại!

Đoạn kế tiếp nói cặn kẽ về pháp Bồ Tát, vì rốt cuộc là Đại Thừa. Tiểu Thừa và Phật Thừa tạm thời gác lại, đối với pháp Bồ Tát, phải nói nhiều hơn đôi chút. Vì người tu học pháp môn này là Bồ Tát vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong phần trước, tôi đã thưa cùng quý vị, toàn là Phổ Hiền Bồ Tát, có thể thấy pháp môn này thù thắng khôn sánh.

(Sao) Chư thông huệ thanh, vô sở tác thanh, bất khởi diệt thanh, vô sanh nhẫn thanh, nãi chí cam lộ quán đảnh, chúng diệu pháp thanh, xứng kỳ sở dục, vô bất văn giả, phát thanh tịnh tâm, thành thực chư căn, vĩnh bất thoái u Vô Thượng Bồ Đề, thị thủy bản vô tình, thiện năng thuyết chư diệu pháp dã.

(鈔) 諸通慧聲，無所作聲，不起滅聲，無生忍聲，乃至甘露灌頂，眾妙法聲，稱其所欲，無不聞者，發清淨心，成熟諸根，永不退於無上菩提，是水本無情，善能說諸妙法也。

(Sao: Tiếng các thông huệ, tiếng vô sở tác, tiếng chẳng khởi diệt, tiếng vô sanh nhẫn, cho đến tiếng cam lộ quán đảnh, tiếng các diệu pháp, xứng hợp lòng mong muốn, không gì chẳng nghe, phát tâm thanh tịnh, thành thực các căn, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển Vô Thượng Bồ Đề, nước ấy vốn vô tình, khéo có thể nói các diệu pháp).

Vô tình thuyết pháp. “Chư thông huệ thanh”, “thông” (通) là thông thường, theo đường lối thông thường. “Thông huệ” (trí huệ thông thường) là nói tới địa vị Tam Hiền trong Biệt Giáo. Chúng ta nói Tam Hiền Thập Thánh, thường nói tới Bồ Tát Ma Ha Tát. Tam Hiền là Bồ Tát, Thông Huệ là Bồ Tát; Thập Thánh là Ma Ha Tát. Ma Ha là Đại, [Ma Ha Tát] là Đại Bồ Tát. Thông Huệ là nói đến những vị Bồ Tát thông thường, tức là nói đến các hàng Bồ Tát thuộc các pháp môn thông thường. “Vô sở tác thanh, vô khởi diệt thanh”, từ đây trở đi là nói tới hàng Đại Bồ Tát, tức là Ma Ha Tát. “Vô sở tác, vô khởi diệt” là cảnh giới từ Sơ Địa cho đến Thất Địa trong Biệt Giáo. Đẳng Địa là Ma Ha Tát, là Đại Bồ Tát.

Mỗi vị đồng tu chúng ta đang hiện diện tại đây, đều được đức Phật thọ ký trong kinh. Đồi đời kiếp kiếp trong quá khứ quý vị đều học Phật, cũng từng cúng dường vô lượng chư Phật, Bồ Tát, đời đời kiếp kiếp tu

hành. Như trong phần đầu kinh Vô Lượng Thọ đã nói, cúng bốn trăm ức Phật, nay còn bị mê khi cách ám, còn thoái chuyển. Trước kia là Bồ Tát, nay lui sụt đến nông nổi này, thoái chuyển rồi! Nói cách khác, đời đời kiếp kiếp tu hành đều thất bại, đều chẳng đạt đến địa vị Sơ Tín trong Viên Giáo. Nếu quý vị tu đến địa vị ấy, dẫu bị thoái chuyển, chẳng sợ, vì sao? Địa vị Sơ Tín là giới hạn, quyết định sẽ không lui xuống [các địa vị] thấp hơn nữa. Dẫu lui sụt, lùi xuống địa vị Sơ Tín [là cùng], cho nên gọi là Vị Bất Thoái, địa vị này bảo đảm quý vị chẳng tụt lùi! Kinh điển có nói: Tính từ địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo, phải tu một A-tăng-kỳ kiếp mới có thể tu mãn địa vị Tam Hiền; trong A-tăng-kỳ kiếp thứ hai, tu bảy địa vị, từ Sơ Địa của Viên Giáo cho đến Thất Địa. [Tu hành suốt] ba A-tăng-kỳ kiếp mới thành Phật, chúng ta phải biết chuyện này quả thật chẳng dễ dàng! Đoạn sạch tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc mới là Sơ Tín vị Bồ Tát. Nói cách khác, chúng ta đời đời kiếp kiếp chẳng thể đoạn Kiến Hoặc, chuyện này rất phiền toái, do chưa đoạn sạch. Đã đoạn được tám mươi bảy phẩm trong tám mươi tám phẩm, hãy còn sót một phẩm. Phẩm này chẳng đoạn được, đời sau nó sẽ dần dần tăng trưởng, lại tăng trưởng thành tám mươi tám phẩm, phiền phức to tát do vì chưa đoạn sạch lâu. Đã đoạn sạch thì đương nhiên là nó sẽ không còn tăng trưởng. Chẳng đoạn sạch, nó sẽ từ từ khôi phục, lại khôi phục tình trạng như cũ, chuyện vô cùng rắc rối.

Đến Sơ Địa, đúng là “*đoạn vô minh, chứng Pháp Tánh*”. Nói Sơ Địa đoạn vô minh, chứng Pháp Tánh, tức là theo nghĩa Biệt Giáo, là Biệt Giáo Bồ Tát, theo Viên Giáo thì là Sơ Trụ. Sơ Trụ Bồ Tát đoạn một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Tánh, từ đây trở đi, phương pháp tu hành chẳng giống như người khác, vì là vô công dụng đạo. Trong Phật môn thường nói: “*Thử xứ dụng bất đắc lực*” (chẳng thể áp dụng đắc lực ở nơi đây) là nói về ý nghĩa này, vì sao? Hễ dùng sức thì là hữu tác, chẳng phải là vô tác, tức là có khởi diệt (dậy lên và diệt mất), có cái được làm (hữu sở tác). Vô sở tác rất khó hiểu. Trước kia, khi thầy Lý giảng đến chỗ này, cụ đã nêu một tỷ dụ, [tức là tỷ dụ] thuyền buồm. Thuyền buồm chạy nhờ sức gió. Khi sắp đến bờ, chúng ta hạ buồm xuống, dùng sào trúc chống từ từ, đưa thuyền vào bờ. Đó vẫn là “*có làm*”. Khi sắp đến gần sát bờ, lúc ấy, chẳng thể chống sào trúc được nữa! Hễ chống, thuyền sẽ va vào bờ. Buông sào ra, thuyền tự nhiên cập bờ, đó là “*vô tác*”, là “*vô công dụng đạo*”. Tỷ dụ ấy rất hay, khi ấy là vô công dụng đạo, đúng là hoàn toàn vô tác.

Trong vô tác có bốn mươi một cảnh giới, từ Sơ Trụ của Viên Giáo cho đến Đẳng Giác toàn là dụng công như vậy. Sự dụng công ấy đích xác là một tí dấu vết cũng chẳng có. Không chỉ chẳng có vết tích, mà một tí ý niệm cũng không có, nên gọi là “*vô công dụng đạo*”. Đó là cách tu học cao cấp nhất, hoàn toàn tương ứng với giáo nghĩa Nhất Thừa. Đây là kiến tánh, “*tánh*” là chân tánh, là như Lục Tổ đã nói “*vốn chẳng có một vật*”. Nếu quý vị nói ta dụng công như thế nào, tức là vẫn có một vật. Quý vị nói ta tu Thiền Định, lại là một vật! Ấn Tông thỉnh giáo Lục Tổ, hỏi: “Ngũ Tổ có nói Thiền Định và giải thoát hay không?” Đương nhiên là có nói, nhưng Lục Tổ chẳng trả lời theo cách như vậy, Ngài bảo: “*Thiền Định và giải thoát là hai pháp, Phật pháp là pháp bất nhị, hai pháp chẳng phải là Phật pháp*”. Giải thích kiểu ấy nghĩa là gì? Hoàn toàn là giải thích dựa theo vô công dụng đạo. Có dùng phương pháp này hay không? Có! Đã có dùng, vì sao là pháp bất nhị? Ngài chẳng chấp tướng, tức là “*làm mà vô làm, không làm mà làm*”, công phu của Ngài được sử dụng theo cách này! Chẳng giống như chúng ta chấp tướng, khởi tâm động niệm, dụng công thật sự là dụng công, chẳng đạt được tiêu chuẩn của các Ngài, nhưng chư vị phải hiểu: Phải đạt đến Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo (tức Sơ Trụ trong Viên Giáo) thì mới được! Nay chúng ta chẳng phải là bậc Địa Thượng Bồ Tát trong Biệt Giáo mà nếu cũng dùng phương pháp ấy, sẽ hỏng bét. Đúng là mỗi cảnh giới có cách làm riêng của cảnh giới ấy, chúng ta tuyệt đối chẳng học được! Chúng ta vẫn là hữu công dụng đạo, như vậy thì mới nên, mới chẳng bị lỡ làng. Đó là nói về Vô Tác.

Không chỉ là Vô Tác, mà khởi diệt cũng chẳng có. Khởi diệt là sanh diệt, là khởi tâm động niệm. Nay ý niệm của chúng ta có sanh diệt, niệm này sanh, niệm kia diệt, đó là tâm ý thức. Đạt đến cảnh giới ấy, hoàn toàn không chế ý thức, có Thiền Định và Quán Chiếu Bát Nhã rất sâu. Tuy vẫn chưa thể chuyển Thức thành Trí, Thất Địa Bồ Tát đã gần như vậy, Bát Địa Bồ Tát đã chuyển được, chuyển A Lại Da thành Đại Viên Kính Trí, khởi diệt cũng chẳng còn!

Vì thế, “*vô sở tác thanh*” là Sơ Địa, “*vô khởi diệt thanh*” là Thất Địa. Nói một địa vị trước và một địa vị sau, tính lược những địa vị trung gian. Từ vô sở tác đến vô khởi diệt, đó là cảnh giới từ Sơ Địa cho đến Thất Địa, dần dần đạt đến bất sanh bất diệt. Do đó, nếu tiến hơn một bước, bèn chứng Vô Sanh Pháp Nhãn. Vô Sanh Pháp Nhãn là Bát Địa. Theo như kinh Nhân Vương đã giảng về Vô Sanh Pháp Nhãn, Thất Địa Bồ Tát là hạ phẩm Vô Sanh Nhãn, Bát Địa Bồ Tát là trung phẩm Vô

Sanh Nhân, Cửu Địa là thượng phẩm Vô Sanh Nhân. Thất Địa bất khởi diệt cũng bằng với hạ phẩm Vô Sanh Nhân, Bát Địa là Bất Động Địa, thật sự chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhân. Đó là sơ chứng, sơ chứng được gọi là “*bất khởi diệt thanh*”.

Đoạn này có ý nghĩa rất sâu, nói thật ra, cũng rất thú vị. Tuy chúng ta chẳng đạt được, nhưng phải hiểu. Hiểu cảnh giới này bèn không mê hoặc, chúng ta tu học Phật pháp mới có thể thật sự đoạn nghi sanh tín, mới chẳng bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, chẳng bị cảnh giới bên ngoài lay động. Người ta làm theo cách nào, chúng ta thấy rõ ràng, rành rẽ như vậy, bản thân chúng ta phải biết làm như thế nào để không bị cảnh giới chuyển, công phu mới có thể đắc lực. Thường bị xoay chuyển bởi cảnh giới bên ngoài, tức là công phu chẳng đắc lực, không có tác dụng.

Vì thế, đối với sự học Phật, ba thứ lý luận, phương pháp, cảnh giới, đều phải hiểu rõ. Có thứ nào chẳng hiểu rõ, sẽ chẳng có cách nào, đều chẳng thể thành tựu! Ba thứ ấy giống như ba chân của cái đỉnh, khuyết một chân, [cái đỉnh] sẽ đổ kèn! Quý vị phải có đủ ba thứ ấy, nhất định phải thâm nhập kinh tạng. Kinh tạng của Tịnh Độ Tông chúng ta ít ỏi, nhưng được chú sớ tỉ mỉ như kinh Di Đà thì chẳng nhiều lắm, Liên Trì đại sư và Ngẫu Ích đại sư đã chú giải rất tỉ mỉ, rõ rệt, đọc chú giải này giống như xem mấy trăm bộ kinh điển. Vì lẽ đó, đích xác là chúng ta chẳng cần tìm phiền phức nữa, tuân giữ những bản chú sớ ấy là đủ rồi, chúng ta có thể chẳng bị chuyển bởi cảnh giới là được rồi, công phu có thể đắc lực. Hôm nay thời gian đã hết, chúng tôi nói tới đây.